

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 649/TTr-SNNMT ngày 18/5/2026, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, với các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: Tại khoản 12 Điều 1 quy định: “*Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai*”.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3, Điều 1 Luật số 87/2025/QH15: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “*b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”.

- Căn cứ khoản 7 Mục VI Điều 1 Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “*Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế chính sách, quản lý và hướng dẫn thực hiện Chương trình*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 6 Thông tư số 107/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ Phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030: “*1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát*

triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.”

Do đó, việc ban hành Nghị quyết phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Cơ sở thực tiễn

- HĐND tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*) ban hành Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*gọi tắt Quyết định số 703/QĐ-TTg*).

- HĐND tỉnh Bình Định (*trước sắp xếp*) chưa ban hành quy định tương tự.

- Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, sau sắp xếp; HĐND tỉnh Gia Lai (*sau sắp xếp*) khóa XII kỳ họp thứ 5 đã quyết định áp dụng các Nghị quyết do HĐND tỉnh Bình Định, tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*) ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*sau sắp xếp*) cho đến khi được thay thế hoặc bãi bỏ¹.

- Tuy nhiên, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành trước sắp xếp phải được xử lý để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp. Đồng thời, tại Văn bản số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 06/10/2025, Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01/6/2026.

- Để thống nhất cơ chế, chính sách và tiếp tục nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản (sau đây gọi tắt là giống cây trồng, vật nuôi) theo hướng công nghiệp hiện đại, đáp ứng yêu cầu về năng suất, chất lượng và thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, việc ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*) để thống nhất các quy định là rất cần thiết, bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương 02 cấp và kế thừa, phát huy những điểm tích cực của các chính sách trước đây.

¹ Tại Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh quyết định áp dụng các Nghị quyết do HĐND tỉnh Bình Định, tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*) ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

Tạo hành lang pháp lý thống nhất để triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi theo hướng công nghiệp hiện đại nhằm cung cấp cho sản xuất đủ giống có năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần thực hiện thành công định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất các loại giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu tốt với dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh công nghiệp hóa sản xuất giống, tăng cường công tác quản lý giống nhằm tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống đạt tiêu chuẩn cho sản xuất, góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp của tỉnh tăng trưởng nhanh và bền vững.

b) Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Ngân sách nhà nước; phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

c) Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với quy định pháp luật liên quan và tình hình thực tế tại địa phương; đảm bảo sự công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở căn cứ pháp lý và thực tiễn tại địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, trình tại kỳ họp giữa năm 2026 của HĐND tỉnh khoá XIII, nhiệm kỳ 2026-2031.

Trên cơ sở Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*); Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết; tổ chức lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ngành, địa phương và đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh theo quy định.

Sau khi tiếp thu, hoàn thiện dự thảo, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã gửi Sở Tư pháp thẩm định; trên cơ sở ý kiến thẩm định, tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 -2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 05 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguồn ngân sách địa phương

Điều 3. Phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg

Điều 4. Mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg

Điều 5. Điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; đồng thời kế thừa các nội dung còn phù hợp của Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND và bám sát Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết như sau:

3.1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với giống chủ lực quốc gia

Ngân sách nhà nước bảo đảm hoặc hỗ trợ kinh phí thực hiện các nội dung: nhập nội, mua bản quyền giống mới; bình tuyển, chăm sóc cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống; nhập và hoàn thiện công nghệ sản xuất giống; đào tạo, tập huấn; kiểm soát chất lượng giống; kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình.

Đồng thời, hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống trong các lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản theo tỷ lệ phù hợp với từng lĩnh vực.

b) Đối với các giống khác

Mức hỗ trợ bằng 70% mức hỗ trợ tương ứng đối với giống chủ lực quốc gia.

3.2. Mức chi thực hiện

Mức chi hỗ trợ sản xuất giống, đào tạo, tập huấn và kiểm soát chất lượng giống được thực hiện theo định mức kinh tế - kỹ thuật và các quy định hiện hành của Trung ương, HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Nguồn lực về tổ chức, bộ máy

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết; UBND các xã, phường tổ chức theo dõi, quản lý việc thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống trên địa bàn.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên (chi các hoạt động kinh tế) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện;
- Ngân sách cấp xã bảo đảm kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện.

3. Thời gian trình thông qua Nghị quyết

Trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết tại Kỳ họp thứ 3 của HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

(Đính kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; Báo cáo số 435/BC-STP ngày 18/5/2026 của Sở Tư pháp về thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết; các tài liệu khác có liên quan).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, TC, TP;
- CVP, PVP NNMT;
- Lưu: VT, C5, N7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp

Số: .../2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án
phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo
Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy
định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành
nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn nội
dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo
Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ
phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất
giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;*

*Thực hiện Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 06/10/2025
của Bộ Tư pháp về việc xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức
bộ máy;*

*Xét Tờ trình số 702/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết phê duyệt nội dung và quy định mức chi
thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác
theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia
Lai giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số .../BC-KTNS ngày ... tháng 5
năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo
luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết phê duyệt nội dung và quy định
mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống*

khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

Điều 2. Nguồn ngân sách địa phương

Nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên (chi các hoạt động kinh tế) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó:

1. Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện;

2. Ngân sách cấp xã bảo đảm kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện.

Điều 3. Phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg

1. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia

a) Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện, căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

- Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có;

- Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị thực hiện;

- Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị thực hiện;

- Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có);

- Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành;

- Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống;

- Kiểm soát chất lượng giống;

- Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình phát triển sản xuất giống; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phát triển sản xuất giống.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1; hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng;

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô;

- Lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ;

- Lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống.

2. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác: Hỗ trợ 70% mức đảm bảo kinh phí và hỗ trợ kinh phí quy định tương ứng tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg

1. Hỗ trợ sản xuất giống

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí nhân công và vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trong đó đơn giá nhân công được xác định như sau:

a) Công lao động kỹ thuật được tính bằng 70% hệ số tiền công ngày cho chức danh “*thành viên chính*” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản này.

2. Đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án. Nội dung hỗ trợ, cụ thể như sau:

a) Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên trong nước (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng); phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Thời gian đào tạo, mức chi trả thù lao cho giảng viên và hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật được phê duyệt trong từng dự án cụ thể.

b) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

Tất cả các học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại và chỗ ở theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Kiểm soát chất lượng giống: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

5. Các dự án đang triển khai và hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách đã được phê duyệt hoặc hưởng các chính sách theo Nghị quyết này cho đến kết thúc thời gian hỗ trợ của Nhà nước được ghi trong Quyết định phê duyệt nếu đáp ứng được các điều kiện hỗ trợ theo quy

định tại Nghị quyết này.

6. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

Số: /BC-STP

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 5147/SNNMT-GNN ngày 16/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở đối chiếu Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Căn cứ Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự

nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.*”.

Trên cơ sở quy định nêu trên và cơ sở thực tiễn tại dự thảo Tờ trình kèm theo Công văn số 5147/SNNMT-GNN ngày 16/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Nghị quyết phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành là cần thiết, có cơ sở pháp lý.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thống nhất với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết.

II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng

Nội dung dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

IV. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.

V. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trên cơ sở nội dung tại Mục V dự thảo Tờ trình, ý kiến tham gia của Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, việc thi hành Nghị quyết đảm bảo về nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Về nguồn tài chính: Đề nghị Quý Sở nghiên cứu tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 4490/STC-QLN ngày 13/5/2026 để đảm bảo nguồn tài chính thực hiện.

VI. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo các yêu cầu về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, để dự thảo Nghị quyết được hoàn thiện, đề nghị cân nhắc một số nội dung sau:

a) Tại phần căn cứ ban hành văn bản: Đề phù hợp với hướng dẫn tại mục 1 phần III Phụ lục I và Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đề nghị:

- Tại căn cứ thứ 2, chỉnh sửa “*Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15*” thành “*Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15*”.

- Tại căn cứ thứ 5, chỉnh sửa “*Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ*” thành “*Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ*”.

- Tại căn cứ thứ 6, chỉnh sửa “*Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030*” thành “*Thông tư số 107/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030*”.

b) Về viện dẫn văn bản: Đề nghị viện dẫn văn bản theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP: “a) Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh, khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản...; Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản...; b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản...; Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản.”. Cụ thể, tại điểm a khoản 1 Điều 4, chỉnh sửa “Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ” thành “Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”.

c) Đề nghị rà soát, bỏ bôi đậm tại các khoản và tên của khoản trong Điều của toàn bộ văn bản để đảm bảo đúng theo hướng dẫn về thể thức trình bày văn bản tại điểm b mục 2 Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết

Trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐCP.

3. Về dự thảo Tờ trình

- Tên của dự thảo Tờ trình, đề nghị chỉnh sửa: “TỜ TRÌNH về việc ban hành Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030” thành: “TỜ TRÌNH về dự thảo Nghị quyết phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030”.

- Tại điểm 1 Mục I, chỉnh sửa “Điểm a, khoản 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương...” thành “Điểm a khoản 5 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương...” cho phù hợp.

VII. Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết cho UBND tỉnh

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo nội dung thẩm định tại Báo cáo này để đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Ý

Số: /TTr-SNNMT

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh triển về khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-HĐND tỉnh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2026 của HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Báo cáo kết quả thẩm định số 435/BC-STP ngày 18/5/2026 của Sở Tư pháp về Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030;

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, với các nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: Tại khoản 12 Điều 1 quy định: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai”.

- Điểm a khoản 5 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh “a) Quyết định các chính sách, biện pháp về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật”.

- Điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3, Điều 1 Luật số 87/2025/QH15: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “*b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”.

- Khoản 7 Mục VI Điều 1 Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “*Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế chính sách, quản lý và hướng dẫn thực hiện Chương trình*”.

- Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: “*1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.*”

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên là đảm bảo đầy đủ cơ sở UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

2. Cơ sở thực tiễn

- HĐND tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*) ban hành Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- HĐND tỉnh Bình Định (*trước sắp xếp*) chưa ban hành quy định tương tự.

- Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, sau sắp xếp; HĐND tỉnh Gia Lai (*sau sắp xếp*) khóa XII kỳ họp thứ 5 đã quyết định áp dụng các Nghị quyết do HĐND tỉnh Bình Định, tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*) ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*sau sắp xếp*) cho đến khi được thay thế hoặc bãi bỏ¹.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật

¹ Tại Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh quyết định áp dụng các Nghị quyết do HĐND tỉnh Bình Định, tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*) ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh ban hành trước sắp xếp phải được xử lý để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp. Đồng thời, tại Văn bản số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 06/10/2025, Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01/6/2026.

Để thống nhất cơ chế chính sách và tiếp tục nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản (sau đây gọi tắt là giống cây trồng, vật nuôi) theo hướng công nghiệp hiện đại nhằm cung cấp cho sản xuất đủ giống có năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần thực hiện thành công định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, việc ban hành Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 thay thế Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*) để thống nhất các quy định là rất cần thiết, bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương 02 cấp và kế thừa, phát huy những điểm tích cực của các chính sách trước đây.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

Tạo hành lang pháp lý thống nhất để triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi theo hướng công nghiệp hiện đại nhằm cung cấp cho sản xuất đủ giống có năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần thực hiện thành công định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất các loại giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu tốt với dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu; Đẩy mạnh công nghiệp hóa sản xuất giống, tăng cường công tác quản lý giống nhằm tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống đạt tiêu chuẩn cho sản xuất góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp của tỉnh tăng trưởng nhanh và bền vững.

b) Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của

Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Ngân sách nhà nước; phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

c) Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với quy định pháp luật liên quan và tình hình thực tế tại địa phương; đảm bảo sự công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở căn cứ pháp lý và thực tiễn tại địa phương, sau khi rà soát, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh đăng ký nội dung Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, trình HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2026 của HĐND tỉnh khoá XIII, nhiệm kỳ 2026-2031².

Trên cơ sở Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*); Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng Hồ sơ dự thảo Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Sở, ngành và UBND các xã, phường tại Văn bản số 4539/SNNMT-GNN ngày 01/5/2026. Trên cơ sở góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 5147/SNNMT-GNN ngày 16/5/2026.

Sau khi có Báo cáo thẩm định số 435/BC-STP ngày 18/5/2026 của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, đảm bảo đủ điều kiện để trình UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

² Tại Văn bản số 5331/UBND-NC ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Về việc đăng ký nội dung trình kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2031.

Nghị quyết này phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 -2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, gồm có 5 Điều cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguồn ngân sách địa phương

Điều 3. Phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg

Điều 4. Mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg

Điều 5. Điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản

Nội dung của Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cơ bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của Nghị quyết với hệ thống pháp luật; đồng thời, nội dung quy định chính sách hỗ trợ của dự thảo Nghị quyết bám sát theo Quyết định số 703/QĐ-TTg và kế thừa các nội dung hỗ trợ của Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND.

Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và

giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, tóm tắt như sau:

3.1. Nguồn ngân sách địa phương

Nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên (chi các hoạt động kinh tế) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó:

a) Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện;

b) Ngân sách cấp xã bảo đảm kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện.

3.2. Phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg

3.2.1. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia

a) Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện, căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

- Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có;

- Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị thực hiện;

- Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị thực hiện;

- Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có);

- Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành;

- Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống;

- Kiểm soát chất lượng giống;

- Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình phát triển sản xuất giống; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình thực hiện phát triển sản xuất giống.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

- Đối với lĩnh vực trồng trọt:
 - + Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1.
 - + Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng.
- Đối với lĩnh vực lâm nghiệp
 - + Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống.
 - + Hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô.
- Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ.
- Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống.

3.2.2. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác

Hỗ trợ 70% mức đảm bảo kinh phí và hỗ trợ kinh phí quy định tương ứng tại mục 3.2.1.

3.3. Mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg

a) Hỗ trợ sản xuất giống

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí nhân công và vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trong đó đơn giá nhân công được xác định như sau:

- Công lao động kỹ thuật được tính bằng 70% hệ số tiền công ngày cho chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật.

b) Đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án. Nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

- Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên trong nước (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng); phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Thời gian đào tạo, mức chi trả thù lao cho giảng viên và hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật được phê duyệt trong từng dự án cụ thể.

- Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

Tất cả các học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại và chỗ ở theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Kiểm soát chất lượng giống: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Nguồn lực về tổ chức, bộ máy

- Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giống nông nghiệp; tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

- UBND các xã, phường phân công Phòng Kinh tế (*Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị*) theo dõi, quản lý việc triển khai thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống

nông nghiệp trên địa bàn.

Do vậy, nguồn lực về tổ chức, bộ máy đảm bảo triển khai Nghị quyết sau khi được HĐND tỉnh thông qua.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên (chi các hoạt động kinh tế) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện;

- Ngân sách cấp xã bảo đảm kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện.

3. Điều kiện bảo đảm việc thi hành Nghị quyết

Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

4. Thời gian trình thông qua Nghị quyết

Trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết sau kỳ họp chuyên đề tháng 5 năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2031.

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030; Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Đính kèm theo: Dự thảo Tờ trình; Dự thảo Nghị quyết; Bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết; Báo cáo số 435/BC-STP ngày 18/5/2026 của Sở Tư pháp về thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Sở, địa phương; các tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ;
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- Các PGĐ Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, GNN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Ngọc Cỏ

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT PHÊ DUYỆT NỘI DUNG VÀ QUY ĐỊNH MỨC CHI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GIỐNG CHỦ LỰC QUỐC GIA VÀ GIỐNG KHÁC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 703/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2026 của UBND Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (TRƯỚC SẮP XẾP) (Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030)	THUYẾT MINH
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	
	1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất	1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất	Giữ nguyên theo Nghị quyết 37/2022/NQ-HĐND

	giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 -2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 -2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
	2. Đối tượng áp dụng a. Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản. b. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.	2. Đối tượng áp dụng a. Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản. b. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.	Giữ nguyên theo Nghị quyết 37/2022/NQ-HĐND
2	Điều 2. Nguồn ngân sách địa phương	Điều 2. Nguồn ngân sách địa phương	
	Nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên (chi các hoạt động kinh tế) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó: 1. Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí cho	Nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên (chi các hoạt động kinh tế) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó: 1. Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí cho	Bỏ ngân sách cấp huyện để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.

	các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện; 2. Ngân sách cấp huyện bảo đảm kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện.	các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện; 2. Ngân sách cấp xã bảo đảm kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện.	
3	Điều 3. Phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg	Điều 3. Phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg	
	1. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia 1.1. Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện, căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:	1. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia a) Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện, căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm: - Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối	Giữ nguyên các nội dung được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ một phần, chỉ bỏ phần ngân sách cấp huyện để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp, đồng thời thay đổi các khoản, điểm cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật.

a. Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có; b. Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị thực hiện; c. Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị thực hiện; d. Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có); đ. Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành; e. Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống; g. Kiểm soát chất lượng giống; h. Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình phát triển sản xuất giống; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình thực hiện phát triển sản xuất giống. 1.2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân	với những giống trong nước chưa có; - Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị thực hiện; - Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị thực hiện; - Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có); - Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành; - Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống; - Kiểm soát chất lượng giống; - Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình phát triển sản xuất giống; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phát triển sản xuất giống. b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức	
---	--	--

dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện, cụ thể như sau: a. Đối với lĩnh vực trồng trọt - Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1. - Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng. b. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp - Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống. - Hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô. c. Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ. d. Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống. 2. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác Hỗ trợ 70% mức đảm bảo kinh phí và hỗ trợ kinh phí quy định tương ứng tại khoản 1 Điều này.	thực hiện, cụ thể như sau: - Lĩnh vực trồng trọt: hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1; hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng; - Lĩnh vực lâm nghiệp: hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô; - Lĩnh vực chăn nuôi: hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ; - Lĩnh vực thủy sản: hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống. 2. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác Hỗ trợ 70% mức đảm bảo kinh phí và hỗ trợ kinh phí quy định tương ứng tại khoản 1 Điều này.	
---	--	--

4	Điều 4. Mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg	Điều 4. Mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg	
	1. Hỗ trợ sản xuất giống Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí nhân công và vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trong đó đơn giá nhân công được xác định như sau: a. Công lao động kỹ thuật được tính bằng 70% hệ số tiền công ngày cho chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai. b. Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản này.	1. Hỗ trợ sản xuất giống Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí nhân công và vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trong đó đơn giá nhân công được xác định như sau: a) Công lao động kỹ thuật được tính bằng 70% hệ số tiền công ngày cho chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. b) Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản này. 2. Đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham	- Cơ bản giữ nguyên các mức chi theo Nghị quyết 37/2022/NQ-HĐND. - Thay đổi các căn cứ để xây dựng định mức cho phù hợp sau khi sáp nhập tỉnh: + Điểm a), Mục 1 : Bổ : quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai. Thay bằng : quy định điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính, quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ Giải trình: Quyết định số

2. Đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án. Mức chi hỗ trợ cụ thể như sau: a. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. b. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định	gia thực hiện dự án. Nội dung hỗ trợ cụ thể như sau: a) Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên trong nước (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng); phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Thời gian đào tạo, mức chi trả thù lao cho giảng viên và hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật được phê duyệt trong từng dự án cụ thể. b) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có);	27/2016/QĐ-UBND là Quyết định của tỉnh Gia Lai trước sáp nhập nên không áp dụng cho tỉnh Gia Lai sau sáp nhập. + Gộp điểm a) và điểm b) mục Mục 2 lại và: Bổ : - Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. - Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 124/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội
--	---	---

mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 124/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi một số quy định của Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Thời gian đào tạo, mức chi trả thù lao cho giảng viên và hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật được phê duyệt trong từng dự án cụ thể. c. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.	chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan. Tất cả các học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại và chỗ ở theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai. 3. Kiểm soát chất lượng giống: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh.	đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi một số quy định của Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai Thay bằng : Thực hiện theo quy định tại Thông tư 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Giải trình: Thông tư 36/2018/TT-BTC đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Thông tư 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính; các Nghị quyết 98/2018/NQ-HĐND, 124/2020/NQ-HĐND, 98/2018/NQ-HĐND là Nghị quyết của tỉnh Gia Lai trước sáp nhập nên không áp dụng cho tỉnh Gia Lai sau sáp nhập. + Điểm c), Mục 2 đổi thành điểm b mục 2 và: Bổ : theo mức quy định Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND quy định
--	--	--

Tất cả các học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tiền ăn tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên; riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, làng thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học: Trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, bao gồm chi phí điện, nước; trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai. 3. Kiểm soát chất lượng giống: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí kiểm		mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Thay bằng: Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai Giải trình: Nghị quyết 75/2017/NQ-HĐND đã hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 điều 2 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND.
--	--	--

	nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh.		
5	Điều 5. Tổ chức thực hiện	Điều 5. Điều khoản thi hành	Thay đổi tên điều
	1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có chức năng giám sát việc thực hiện nghị quyết. 3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản mới. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.	1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngàytháng ... năm 2026 và áp dụng cho năm ngân sách 20... 2. Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. 3. Các dự án đang triển khai và hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách đã được phê duyệt hoặc hưởng các chính sách theo Nghị quyết này cho đến kết thúc thời gian hỗ trợ của Nhà nước được ghi trong Quyết định phê duyệt nếu đáp ứng được các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.	Bổ sung thêm mục 2 và mục 3 để đảm bảo quyền lợi cho các tổ chức và cá nhân đang thực hiện các dự án dở dang có cơ sở pháp lý tiếp tục triển khai thực hiện.

	4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới. 5. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. 6. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. <i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ...tháng ...năm 2026.</i>	
--	--	--

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác tổ chức triển khai

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021- 2030, để triển khai chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh:

- UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 phê duyệt Đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thực hiện giai đoạn 2020-2025. Mục tiêu triển khai của đề án nhằm xác định, bảo tồn và phát triển được nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, có giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai; ưu tiên bảo tồn nguồn gen có nguy cơ bị mất để phục vụ nghiên cứu khoa học, công tác tạo giống, nhân giống đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

- UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn Ngân sách địa phương). Theo đó đã bố trí vốn cho 02 dự án với tổng mức đầu tư 30 tỷ

đồng, cụ thể: **(1)** Dự án Điều tra, bảo tồn một số loài động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai với tổng mức vốn đầu tư 10 tỷ đồng; **(2)** Dự án hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ, xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen với tổng mức vốn đầu tư 20 tỷ đồng.

Năm 2022, UBND tỉnh Gia Lai đã bố trí 10,28 tỷ đồng để triển khai thực hiện dự án hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ, xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen tại Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 1).

- HĐND tỉnh Gia Lai ban hành Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Kết quả triển khai các nhiệm vụ

2.1 Phát triển khoa học và công nghệ về giống

a) Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen

UBND tỉnh Gia Lai đã phê duyệt và đang triển khai 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh với mục tiêu bảo tồn, lưu giữ nguồn gen với tổng kinh phí 3.980 triệu đồng (trong đó vốn sự nghiệp khoa học là 3.980 triệu đồng). Các nhiệm vụ được triển khai nhằm điều tra, xây dựng được danh mục các cây được liệu tại khu vực Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, bên cạnh đó nghiên cứu các quy trình trồng của một số loài dược liệu có khả năng phát triển sản xuất thương phẩm. Ngoài ra còn nghiên cứu bảo tồn và xây dựng quy trình trồng nhằm phát triển nguồn gen cây dược liệu Thiên môn chùm tại tỉnh Gia Lai.

b) Nuôi giữ giống gốc

Tỉnh Gia Lai đã triển khai 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nhằm bảo tồn loài cây dược liệu Thất diệp nhất chi hoa với tổng kinh phí 1.800 triệu đồng. Nhiệm vụ được thực hiện nhằm bảo tồn được nguồn giống gốc của loài dược liệu này sau khi thu thập trong tự nhiên, đồng thời nghiên cứu xây dựng nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô nhằm tạo ra được nguồn giống đảm bảo chất lượng, phục vụ quá trình phát triển sản xuất hàng loạt đối với đối tượng cây dược liệu này.

c) Nghiên cứu chọn, tạo giống

- Tổng số cây đầu dòng đã được công nhận là 563 cây, gồm: 63 cây mắc ca, 16 cây chôm chôm tại huyện Ia Grai, 50 cây sầu riêng tại huyện Chư Păh, 250 cây nhãn tại huyện Chư Sê, 100 cây chanh dây tại thành phố Pleiku và 84 cây hồ tiêu ở các huyện trồng tiêu trọng điểm trong tỉnh (Chư Sê, Chư Prông, Đak Đoa, Chư Puh).

- Tổng số vườn cây đầu dòng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả đã được công nhận là 23 vườn, trong đó:

+ 02 vườn cà phê đầu dòng (Trung tâm Nghiên cứu và phát triển cây Hồ tiêu và Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng tỉnh) với khả năng khai thác khoảng 3 tấn hạt giống/vườn/năm;

+ 02 vườn hồ tiêu đầu dòng: Vườn của Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Trường Thịnh với khả năng khai thác khoảng 1.494.000 chồi/năm; Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng tỉnh khả năng khai thác khoảng 100.000 chồi/năm;

+ 01 vườn Mắc ca đầu dòng: Vườn của Bà Trần Thị Thu Hà ở Chư Đăng Ya, Chư Păh, Gia Lai, khả năng khai thác 285.900 cành ghép/năm.

+ 18 vườn chanh dây đầu dòng với khả năng khai thác khoảng hơn 21.500 triệu hom/năm (Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên 04 vườn, Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao - Chi nhánh Gia Lai 02 vườn, Công ty TNHH MTV Nông nghiệp SESAN 02 vườn, Công ty Cổ phần Quốc tế Thông đỏ 02 vườn, Công ty TNHH MTV Gia Nông Gia Lai 01 vườn, Công ty TNHH MTV Giống cây trồng tỉnh Gia Lai 01 vườn, Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Thương 01 vườn, Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ Thương Mại tổng hợp Tân Lộc Phát 01 vườn, Công ty TNHH MTV XNK rau quả DOVECO Gia Lai 01 vườn, Hợp tác xã Nông nghiệp Công nghệ cao Dương Hồng Xuân 01 vườn, Hợp tác xã Nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ cao 360 01 vườn, Công ty TNHH MTV Giống cây trồng Gia Lai 01 vườn).

Tỉnh Gia Lai đã đặt hàng triển khai 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia với tổng kinh phí 10.000 triệu đồng, hiện nay các nhiệm vụ đang triển khai thực hiện. Các nhiệm vụ được triển khai nhằm xây dựng các quy trình nhân giống các loại cây lâm nghiệp bản địa (Trắc, Giỏi), cây dược liệu (Lạc tiên, Phòng phong, Tri mẫu), xây dựng các quy trình trồng phục vụ phát triển các mô hình lâm nghiệp và trồng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d) Dự án phát triển giống

Tỉnh Gia Lai đã đặt hàng triển khai 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 nhằm phát triển các giống dược liệu, xây dựng mô hình ứng dụng phát triển dược liệu tại trên địa bàn tỉnh. Nhiệm vụ triển khai sẽ xây dựng được các mô hình sản xuất giống (Bán chi liên, Địa hoàng và Đan sâm) đạt được các tiêu chuẩn về cây dược liệu (GACP-WHO) để tiếp tục phát triển, nhân rộng các mô hình trồng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2.2 Phát triển sản xuất giống

Toàn tỉnh có 438 cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng nông, lâm

nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản (trong đó 337 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp; 44 cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp; 34 cơ sở sản xuất kinh doanh giống vật nuôi, 23 cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản...), tập trung chủ yếu ở Chư Păh, Ia Grai, Kbang, Đăk Pơ, Chư Prông, Phú Thiện, thành phố Pleiku,...

Nhằm đa dạng loại giống, nghiên cứu, lai tạo, bình tuyển, công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đối với cây công nghiệp, cây ăn quả có thể mạnh của tỉnh, phục vụ nhu cầu sản xuất giống, đảm bảo chất lượng, nguồn gốc xuất xứ; các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chính quyền địa phương thường xuyên:

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn (bằng nhiều hình thức) về hệ thống văn bản quy định của pháp luật trong hoạt động nghiên cứu, chọn tạo giống; sản xuất, kinh doanh giống cây trồng để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh nắm, hiểu và chấp hành, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Phổ biến, truyền tải các thông tin về tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong công tác sản xuất giống cây trồng rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân và người dân nhằm nâng cao kiến thức trong tổ chức sản xuất an toàn, hiệu quả.

- Thông báo cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký bình tuyển cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. Tổ chức thẩm định, bình tuyển và khai thác cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả lâu năm làm nguồn vật liệu phục vụ cho sản xuất cây giống theo đúng quy định của Luật Trồng trọt năm 2018, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành,...

Ngoài ra để thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, năm 2021 UBND tỉnh Gia Lai đã chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với 03 dự án Trung tâm sản xuất giống với tổng mức đầu tư 304,54 tỷ đồng, cụ thể: Trung tâm giống cây trồng chất lượng cao - Công ty Cổ phần Quốc tế Thông đỏ; Trung tâm giống cây trồng và trồng, chế biến trưng bày sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao - Công ty cổ phần đầu tư và phát triển MPEX Tây Nguyên; Dự án Trung tâm nghiên cứu và cung ứng giống rau hoa - cây ăn quả tại tây nguyên - Công ty TNHH dịch vụ nông nghiệp Lộc Trời.

2.3 Hoàn thiện hệ thống giống

Trên địa bàn tỉnh có 02 Trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng nông lâm nghiệp (Trung tâm Lâm nghiệp nhiệt đới và Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng), 01 Trung tâm Giống vật nuôi và 01 Trung tâm Giống Thủy sản.

Nhìn chung cơ sở hạ tầng cũng như trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu giống còn thiếu chưa đáp ứng nhu cầu cho công tác nghiên cứu, sản xuất giống.

II. Danh mục các nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Danh mục các nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ về giống (*Phụ lục 1*).

2. Danh mục các dự án Phát triển sản xuất giống (*Phụ lục 2*)

3. Danh mục các dự án Hoàn thiện hệ thống giống (*Các dự án đầu tư công đã có trong kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 (Phụ lục 3)*)

III. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị

1. Khó khăn, vướng mắc

- Việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến việc bảo tồn và phát triển được nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, có giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai triển khai chưa nhiều.

- Các sở, ban, ngành, địa phương chưa quan tâm nhiều đến việc đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến việc bảo tồn và phát triển được nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, có giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Bên cạnh đó việc đề xuất nhiệm vụ của các đơn vị chưa bám sát các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch của tỉnh đã ban hành nên dẫn đến các nhiệm vụ đề xuất chưa sát với tình hình thực tế của địa phương.

- Hệ thống Văn bản của Trung ương về quản lý sản xuất giống cây trồng; cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp,...còn bất cập; thiếu Quy chuẩn quốc gia về vật liệu nhân giống đối với cây trồng chính và TCVN đối với cây không phải là cây trồng chính, cũng như việc quy định về người kiểm định giống cây công nghiệp, cây ăn quả... Do đó ít nhiều đã gây ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng và kêu gọi các nhà đầu tư.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số về tác hại của việc sử dụng giống cây trồng kém chất lượng; các giống cũ, năng suất thấp,...còn hạn chế.

- Nguồn lực để triển khai việc nghiên cứu, sản xuất giống còn thiếu, trình độ còn yếu; kinh phí triển khai chương trình phát triển, nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021- 2030 còn hạn chế.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở tổng kết đánh giá những kết quả đạt được trong việc thi hành Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết thay thế để áp dụng chung cho tỉnh Gia Lai (*sau sắp xếp*) nhằm nâng cao năng lực

nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản theo hướng công nghiệp hiện đại, cung cấp cho sản xuất đủ giống có năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần thực hiện thành công định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030.

- Bố trí Kinh phí để triển khai thực hiện chương trình phát triển, nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026- 2030.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*) Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- PGĐ Đoàn Ngọc Cỏ;
- Lưu VT, TTGN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Ngọc Cỏ

Phụ lục 1**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ GIỐNG**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày /5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai)

TT	Tên nhiệm vụ	Số QĐ, ngày tháng phê duyệt	Tổng kinh phí được duyệt (triệu đồng)	Vốn ngân sách nhà nước được duyệt (triệu đồng)	Vốn ngân sách nhà nước đã cấp đến 31/12/2022 (triệu đồng)	Ghi chú
I	Bảo tồn lưu giữ nguồn gen					
1	Điều tra, thống kê, bảo tồn nguồn gen cây dược liệu tại Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai.	863/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	2.300	2.300	886,87	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh
2	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển bền vững nguồn gen loài Thiên môn chùm (<i>Asparagus racemosus Willd.</i>) làm dược liệu tại tỉnh Gia Lai.	782/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	1.680	1.680		Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh
II	Lưu giữ giống gốc					
1	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống dược liệu Thất diệp nhất chi hoa (<i>Paris polyphylla</i>) có nguồn gốc tại Gia Lai.	250/QĐ-UBND ngày 02/6/2020	1.800	1.750	1.383	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh
III	Nghiên cứu chọn, tạo giống					
1	Nghiên cứu hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật tạo giống và trồng rừng thâm canh theo hướng đa mục đích hai loài Trắc và Giỏi xanh tại Gia Lai	250/QĐ-UBND ngày 02/6/2020	2.000	1.900	1.400	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh
2	Nghiên cứu lựa chọn giống và trồng một số cây thuốc: Lạc tiên (<i>Passiflora foetida</i> L.), Phòng phong (<i>Saposhnikovia divaricata</i> (Turcz. ex Ledeb.) Schischk.), Tri mẫu (<i>Anemarrhena asphodeloides</i> Bunge.) phục vụ phát triển vùng nguyên liệu và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	92/QĐ-BKHCN ngày 03/02/2023	8.000	6.050		Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia (nhiệm vụ này đang trong quá trình ký kết Hợp đồng triển khai thực hiện)

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GIỐNG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày /5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai)

STT	Tên dự án	Số QĐ, ngày tháng phê duyệt	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Trong đó			Kinh phí đã cấp đến 31/12/2022			Ghi chú
				Vốn ngân sách nhà nước	Vốn đối ứng	Vốn xã hội hoá	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn đối ứng	Vốn xã hội hoá	
1	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và dược liệu Bán chi liên (Scutellaria barbata), địa hoàng (Rehmannia glutinosa Libosch) và đan sâm (Salvia miltiorrhiza Bunge) đạt GACP - WHO tại Gia Lai	Quyết định phê duyệt kinh phí số 1855/QĐ-BKHCN ngày 13/7/2021	7.000	3.430	3.570		700			Dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi.

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN “HOÀN THIỆN HỆ THỐNG GIỐNG”
(CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG ĐÃ CÓ TRONG KẾ HOẠCH TRUNG HẠN 2021 - 2025)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày /5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai)

STT	Tên dự án	Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Trong đó		Kinh phí đã cấp đến 31/12/2022		Ghi chú
				Vốn ngân sách nhà nước	Vốn khác	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn khác	
1	Điều tra, bảo tồn một số loài động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai	403/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	10.000	10.000	0	0	0	
2	Hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ, xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen	423/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	20.000	20.000	0	10.280	0	

Số: 5129/SNNMT-GNN

Gia Lai, ngày 16 tháng 5 năm 2026

V/v giải trình ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương về Dự thảo Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030

Kính gửi:

- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Sở Khoa học và Công nghệ.

Thực hiện Văn bản số 5331/UBND-NC ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh về việc đăng ký nội dung trình kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2031, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 4539/SNNMT-GNN ngày 01/5/2026 về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 gửi đến các Sở, ngành, địa phương để xin ý kiến đóng góp hoàn thiện các dự thảo.

Tính đến thời điểm ngày 15/5/2026, có 43 đơn vị, địa phương đã tham gia góp ý. Trong đó có 40 đơn vị, địa phương thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết (có văn bản góp ý của các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và địa phương kèm theo).

Đồng thời theo ý kiến góp ý của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1460/STP-NV1 ngày 05/5/2026, Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 1531/SKHCN-CN&SHTT ngày 04/5/2026 và Sở Tài chính tại Văn bản số 4490/STC-QLN ngày 13/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo như sau:

1. Tiếp thu ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị quyết nói trên, cụ thể như sau:

- Tại phần căn cứ ban hành văn bản, đã rà soát và điều chỉnh cho phù hợp

với quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

- Đã rà soát, thay thế các văn bản viện dẫn đã hết hiệu lực và thay thế bằng các văn bản mới phù hợp.

- Đã rà soát, chỉnh sửa các nội dung khác theo góp ý của Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Để có số liệu báo cáo về kinh phí thực hiện chính sách trước và sau khi ban hành Nghị quyết mới làm cơ sở để Sở Tài chính tham gia ý kiến về khả năng cân đối ngân sách khi triển khai thực hiện Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Văn bản số 5060/SNNMT-GNN ngày 14/5/2026 về cung cấp số liệu báo cáo tổng kết thi hành Nghị quyết 37/2022/NQ-HĐND và khái toán kinh phí thực hiện các dự án phát triển giống giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai yêu cầu các đơn vị thuộc Sở và UBND các xã, phường báo cáo số liệu để Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp báo cáo Sở Tài chính.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung và giải trình, làm rõ dự thảo Nghị quyết Phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

Đề nghị Sở Tư pháp thẩm định về dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh nói trên *(có hồ sơ kèm theo)* gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 20/5/2026 để hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh theo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, GNN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Ngọc Có